

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/1/2019

V/v: “ Xin ly hôn và nuôi con ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Tú Anh

2/Ông Đinh Công Đoàn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham dự phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Danh, kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2018/TLST-HNGĐ, ngày 4/10/2018 về việc “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm: 1989 (có mặt)

Cư trú: Tổ 9, ấp Hòa T, xã Nguyễn Văn T, huyện BT, Vĩnh Long.

* Bị đơn: Anh Lê Quang Minh, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Cư trú: Tổ 7, ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN THẤY:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 4/10/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Vào năm 2008 tôi và anh Lê Quang M quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình đôi bên chấp nhận nên chúng tôi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Văn Th, huyện BT và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và ngày 1/8/2009. Nữ trang ngày cưới gồm: 1 đôi bông hoa tai, 1 sợi dây chuyền, 1 tấm lắc, tổng cộng 7 chỉ vàng 24k. Hiện nay đã bán tiêu xài hết.

Sau ngày cưới chúng tôi sống chung tại tổ 7, ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện BT. Chúng tôi sống hạnh phúc được 5 năm và sinh được 1 con chung tên Lê Phi L, sinh ngày 10/4/2010. Hiện nay cháu đang sống chung với anh M.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi không tạo lập tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Do đời sống kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa, gây gổ với nhau đến mức trầm trọng. Chúng tôi đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn anh Lê Quang M.

- Về con chung: Cháu Lê Phi L, sinh ngày 10/4/2010. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho cháu L được tiếp tục sống chung với anh M, tôi chưa cấp dưỡng nuôi con.

Tôi yêu cầu được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

-Về quan hệ tài sản chung: chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Anh Lê Quang M là bị đơn không nộp bản khai trình bày ý kiến.

*Tại bản khai ngày ngày 20/8/2018 của cháu Lê Phi L và người đại diện hợp pháp là chị Lê Thị D trình bày: Cháu muốn ở với cha. Con xin vắng mặt tại phiên tòa vì con đi học.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2018 của bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1955 là mẹ ruột của anh Lê Quang M trình bày: Trước đây tôi có nhận 2 thông báo của Tòa án gửi cho con tôi là Lê Quang M, do M đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh không về được nên tôi nhận thay, tôi có điện thoại thông báo cho M hay nhưng rồi M nói là bận không về dự phiên hòa giải được, rồi M nói để Tòa án mời vài lần rồi xử vắng mặt M chứ gì. M nói M cũng đồng ý ly hôn với D, đồng ý nuôi con chung, chưa yêu cầu cấp dưỡng, còn tài sản chung chưa tranh chấp gì.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Do đời sống kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa, gây gổ với nhau đến mức trầm trọng. Chúng tôi đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn anh Lê Quang M.

- Về con chung: Cháu Lê Phi L, sinh ngày 10/4/2010. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho cháu L được tiếp tục sống chung với anh M, tôi chưa cấp dưỡng nuôi con.

Tôi yêu cầu được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

-Về quan hệ tài sản chung: chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

-Bị đơn anh Lê Quang M vắng mặt

-Kiểm sát viên đại diện Viên Kiểm Sát nhân dân huyện BT phát biểu ý kiến là việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Quang M Về con chung: anh Lê Quang M được tiếp tục nuôi dưỡng, chị D chưa cấp dưỡng nuôi con, chị D được quyền thăm nom con chung. Về tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị D phải nộp 300.000 đồng, chị D được khấu trừ tiền tạm ứng án phí.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Mỹ T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Lê Quang M cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008 chị Lê Thị D và anh Lê Quang M kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, cha mẹ hai bên đồng ý. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, đời sống kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa, gây gổ với nhau đến mức trầm trọng. Chị D đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị D đã ly thân từ tháng 10/2015 cho đến nay. Chị D xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chị D khởi kiện xin ly hôn anh M là có căn cứ. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị D.

[4] Xét về con chung: Chị Lê Thị D và anh Lê Quang M sống chung với nhau có 1 con chung tên Lê Phi L, sinh ngày 10/4/2010. Hiện cháu đang sống chung với anh M. Xét việc chị D yêu cầu cho cháu L được tiếp tục sống với anh M

là phù hợp với nguyện vọng của anh M và cháu L. Chị D chưa cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Mặc dù anh M được Tòa án triệu tập đến giải quyết nhưng anh M đều vắng mặt không lý do. Do đó để ổn định môi trường sống và học tập tốt cho cháu L nên cần để cho anh M tiếp tục nuôi cháu L là phù hợp. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chưa tranh chấp, chị D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Chị Lê Thị D nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Chị D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015175 ngày 4/10/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Vậy chị D không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D.

- Chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Quang M.

2/Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị D.

-Anh Lê Quang M được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Phi L, sinh ngày 10/4/2010 đến khi cháu tròn 18 tuổi. Chị Lê Thị D chưa cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị D được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa giải quyết.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Lê Thị D nộp 300.000 đồng, (ba trăm ngàn đồng). Chị D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số 0015175 ngày 4/10/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu. Vậy chị D không phải nộp thêm.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Lê Thị D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Lê Quang M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản sao bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thành Tự